# Chi tiết mã HS 8702.40

| | |
|---|---|
| **Mã HS** | 8702.40 |
| **Mô tả hàng hóa** | Xe có động cơ chở 10 người trở lên, kể cả lái xe / - Loại chỉ sử dụng động cơ điện để tạo động lực: |
| **Đơn vị** | |
| **Thời điểm tạo** | 04/11/2026 02:18:06 |
| **Phiên bản dữ liệu** | 2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx |
| **Trạng thái xác minh** | Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh. |
| **Liên kết** | https://vietnamtariff.com/hs-code/870240/ |

## 14 dòng thuế thuộc 8702.40

| Mã HS | Mô tả hàng hóa | Đơn vị | Thuế NK thông thường | MFN | VAT |
|---|---|---|---|---|---|
| 8702.40.10 | Xe có động cơ chở 10 người trở lên, kể cả lái xe / - Loại chỉ sử dụng động cơ điện để tạo động lực: / - - Dạng CKD (SEN): / - - - Ô tô (bao gồm cả ô tô limousine kéo dài nhưng không bao gồm ô tô khách (1) (coaches, buses, minibuses) hoặc ô tô van) | chiếc | 150% thuế MFN | Theo hướng dẫn tại khoản 1.1 Chương 98 | 10 / 8 (nhiều mức) |
| 8702.40.21 | Xe có động cơ chở 10 người trở lên, kể cả lái xe / - Loại chỉ sử dụng động cơ điện để tạo động lực: / - - Dạng CKD (SEN): / - - - Loại khác, chở từ 30 người trở lên: / - - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 24 tấn | chiếc | 150% thuế MFN | Theo hướng dẫn tại khoản 1.1 Chương 98 | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8702.40.29 | Xe có động cơ chở 10 người trở lên, kể cả lái xe / - Loại chỉ sử dụng động cơ điện để tạo động lực: / - - Dạng CKD (SEN): / - - - Loại khác, chở từ 30 người trở lên: / - - - - Loại khác | chiếc | 150% thuế MFN | Theo hướng dẫn tại khoản 1.1 Chương 98 | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8702.40.31 | Xe có động cơ chở 10 người trở lên, kể cả lái xe / - Loại chỉ sử dụng động cơ điện để tạo động lực: / - - Dạng CKD (SEN): / - - - Ô tô khách (1) (motor coaches, buses hoặc minibuses) khác: / - - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 24 tấn | chiếc | 150% thuế MFN | Theo hướng dẫn tại khoản 1.1 Chương 98 | 10 / 8 (nhiều mức) |
| 8702.40.39 | Xe có động cơ chở 10 người trở lên, kể cả lái xe / - Loại chỉ sử dụng động cơ điện để tạo động lực: / - - Dạng CKD (SEN): / - - - Ô tô khách (1) (motor coaches, buses hoặc minibuses) khác: / - - - - Loại khác | chiếc | 150% thuế MFN | Theo hướng dẫn tại khoản 1.1 Chương 98 | 10 / 8 (nhiều mức) |

| Mã HS | Mô tả hàng hóa | Đơn vị | Thuế NK thông thường | MFN | VAT |
|---|---|---|---|---|---|
| 8702.40.41 | Xe có động cơ chở 10 người trở lên, kể cả lái xe / - Loại chỉ sử dụng động cơ điện để tạo động lực: / - - Dạng CKD (SEN): / - - - Loại khác: / - - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 24 tấn | chiếc | 150% thuế MFN | Theo hướng dẫn tại khoản 1.1 Chương 98 | 10 / 8 (nhiều mức) |
| 8702.40.49 | Xe có động cơ chở 10 người trở lên, kể cả lái xe / - Loại chỉ sử dụng động cơ điện để tạo động lực: / - - Dạng CKD (SEN): / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác | chiếc | 150% thuế MFN | Theo hướng dẫn tại khoản 1.1 Chương 98 | 10 / 8 (nhiều mức) |
| 8702.40.50 | Xe có động cơ chở 10 người trở lên, kể cả lái xe / - Loại chỉ sử dụng động cơ điện để tạo động lực: / - - Loại khác: / - - - Ô tô (bao gồm cả ô tô limousine kéo dài nhưng không bao gồm ô tô khách (1) (coaches, buses, minibuses) hoặc ô tô van) | chiếc | 105% | 70% | 10 / 8 (nhiều mức) |
| 8702.40.61 | Xe có động cơ chở 10 người trở lên, kể cả lái xe / - Loại chỉ sử dụng động cơ điện để tạo động lực: / - - Loại khác: / - - - Loại khác, chở từ 30 người trở lên và được thiết kế đặc biệt để sử dụng trong sân bay (SEN): / - - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 24 tấn | chiếc | 7,5% | 5% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8702.40.69 | Xe có động cơ chở 10 người trở lên, kể cả lái xe / - Loại chỉ sử dụng động cơ điện để tạo động lực: / - - Loại khác: / - - - Loại khác, chở từ 30 người trở lên và được thiết kế đặc biệt để sử dụng trong sân bay (SEN): / - - - - Loại khác | chiếc | 7,5% | 5% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8702.40.71 | Xe có động cơ chở 10 người trở lên, kể cả lái xe / - Loại chỉ sử dụng động cơ điện để tạo động lực: / - - Loại khác: / - - - Ô tô khách (1) (motor coaches, buses hoặc minibuses) khác: / - - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 24 tấn | chiếc | 105% | 70% | 10 / 8 (nhiều mức) |
| 8702.40.79 | Xe có động cơ chở 10 người trở lên, kể cả lái xe / - Loại chỉ sử dụng động cơ điện để tạo động lực: / - - Loại khác: / - - - Ô tô khách (1) (motor coaches, buses hoặc minibuses) khác: / - - - - Loại khác | chiếc | 105% | 70% | 10 / 8 (nhiều mức) |
| 8702.40.91 | Xe có động cơ chở 10 người trở lên, kể cả lái xe / - Loại chỉ sử dụng động cơ điện để tạo động lực: / - - Loại khác: / - - - Loại khác: / - - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 24 tấn | chiếc | 105% | 70% | 10 / 8 (nhiều mức) |
| 8702.40.99 | Xe có động cơ chở 10 người trở lên, kể cả lái xe / - Loại chỉ sử dụng động cơ điện để tạo động lực: / - - Loại khác: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác | chiếc | 105% | 70% | 10 / 8 (nhiều mức) |

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.